

Bản án số: 72/2019/HS-PT

Ngày: 09 - 5 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Ngọc Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Trần Hoàng Vũ;

Ông Trần Minh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Thành Năng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 54/TLPT-HS ngày 13 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo Trần Hữu Nh do có kháng cáo của bị cáo Trần Hữu Nh và bị hại Tổng Công ty truyền hình cáp Việt Nam đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2019/HS-ST ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Trần Hữu Nh, sinh năm 1985; Nơi cư trú: ấp Phú An A, xã Phú V, thị xã T, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật giáo Hòa Hảo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Nhanh và bà Đặng Thị Mỹ Hạnh; có vợ Trần Thị Ngọc L và con Trần Bảo Ngọc Duy.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Hồ Hoàng Phụng, luật sư thuộc Văn phòng luật sư Hồ Hoàng Phụng, Đoàn luật sư tỉnh An Giang bào chữa theo yêu cầu của bị cáo. (có mặt)

*** Bị hại kháng cáo:** Tổng Công ty C.

Địa chỉ trụ sở: Số 3/84, Ngọc Khánh, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Hoàng Văn Nh, sinh năm 1978 (theo Quyết định uỷ quyền số 587a/QĐ – VTVcab ngày 11 tháng 6 năm 2018). (có mặt)

Nơi cư trú: số 10/05 Châu Văn Liêm, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

(Trong vụ án, bị cáo Trần Thị Ngọc L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 02/01/2016, Tổng Công ty C - Chi nhánh tỉnh An Giang (Văn phòng đặt tại thị xã Tân Châu), ký hợp đồng lao động với Trần Hữu Nh và Trần Thị Ngọc L (Nh và L là vợ chồng), Nh và L thực hiện nhiệm vụ thu tiền thuê bao của khách hàng đăng ký truyền hình VTV cab tại văn phòng thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Hàng tháng, Văn phòng tại thị xã Tân Châu cung cấp danh sách khách hàng và phiếu thu tiền, có đóng dấu đỏ của Công ty, rồi Nh viên của văn phòng đưa cho Nh và L để đi thu tiền mặt trực tiếp của khách hàng, Nh và L thu tiền thuê bao hàng tháng của mỗi khách hàng là 88.000 đồng/tháng và chương trình khuyến mãi của Công ty nếu có. Sau khi thu tiền xong, Nh và L có trách nhiệm nộp tiền vào tài khoản của Công ty, được mở tại Ngân hàng Sacombank, vào ngày 29 hàng tháng.

L được phân công thu tiền theo tuyến tỉnh lộ 954 gồm: khóm Long Hưng 1, khóm Long Hưng 2, khóm Long Thạnh 1, phường Long Sơn, thị xã Tân Châu và ấp Long Hòa 2, xã Long Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Nh được phân công thu tiền theo các tuyến đường Tôn Đức Thắng, thuộc phường Long Thạnh; Hương lộ 2, Trần Phú, thuộc phường Long Hưng; Hương Lộ 1 thuộc phường Long Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đến tháng 3/2016, do con của Nh và L bị bệnh, không có tiền điều trị, nên cả hai đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền thu của khách hàng đăng ký tại Công ty, bằng hình thức chiếm đoạt tiền mà các khách hàng đăng ký gói khuyến mãi, nhưng không thông báo về Công ty, mà chỉ báo với Công ty là khách hàng đóng thuê bao hàng tháng.

Cụ thể, Nh và L đã cho khách hàng đóng tiền như sau: Nếu khách hàng đóng tiền trước 03 tháng, sẽ được khuyến mãi thêm 01 tháng; Nếu khách hàng đóng tiền trước 04 tháng, sẽ được khuyến mãi thêm 02 tháng; Nếu khách hàng đóng tiền trước 06 tháng, sẽ được khuyến mãi thêm 03 tháng; Nếu khách hàng đóng tiền trước 08 tháng, sẽ được khuyến mãi thêm 04 tháng hoặc nếu đóng tiền trước 12 tháng, sẽ được khuyến mãi thêm 06 tháng. Từ đó, nhiều khách hàng đã đóng tiền trước để được hưởng chương trình khuyến mãi, nhưng khi thu tiền của khách hàng, cả hai không nộp tiền cho Công ty theo quy định, mà giữ lại, chỉ nộp tiền cho thuê bao hàng tháng. Đối với số tiền khách hàng đóng trước, Nh và L

chiếm đoạt, để lấy tiền điều trị bệnh cho con.

Đến khoảng cuối tháng 9/2016, do không còn khả năng đóng lại tiền thuê bao hàng tháng cho khách hàng, nên Nh và L đã bỏ trốn khỏi địa phương đến thành phố Hồ Chí Minh để làm thuê. Sau đó, Công ty có cử cộng tác viên khác đến thu tiền các thuê bao do Nh và L thu tiền, phát hiện Nh và L đã cho khách hàng đăng ký khuyến mãi và lập biên nhận thu tiền khuyến mãi, nhưng không nộp vào tài khoản của Tổng Công ty truyền hình cáp Việt Nam, mà chiếm đoạt số tiền trên. Khi phát hiện Nh và L đã chiếm đoạt tiền của Tổng Công ty, Công ty đã tiến hành rà soát lại tất cả các khách hàng mà Nh và L đã thu tiền, phát hiện cả hai còn nợ lại 510 phiếu thu tiền thuê bao của tháng 8/2016. Trong đó, Nh còn nợ 61 phiếu thu là 5.368.000 đồng và L còn nợ 449 phiếu thu là 40.507.733 đồng. Ngoài ra, Nh và L đã lập phiếu đăng ký khuyến mãi cho 309 khách hàng, Nh thu tiền khuyến mãi của 220 khách hàng để chiếm đoạt số tiền 130.680.000 đồng, L thu tiền khuyến mãi của 89 khách hàng để chiếm đoạt số tiền 65.120.000 đồng, tổng cộng Nh đã chiếm đoạt số tiền 136.048.000 đồng và L đã chiếm đoạt số tiền 105.627.733 đồng. Ngày 11/10/2018, đại diện Công ty đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Tân Châu, tố giác Nh và L chiếm đoạt số tiền 241.675.733 đồng.

Trong quá trình điều tra, xác định được như sau: Từ tháng 01/2016 đến tháng 08/2016, Nh và L đã nhận phiếu thu và nộp tiền đầy đủ vào tài khoản của Công ty. Đối với tiền thuê bao của tháng 8/2016 mà Nh và L đi thu trong tháng 9/2016, cả hai cũng có nộp tiền vào tài khoản của công ty nhưng không đủ. Khi làm việc, L đã giao nộp lại 161 phiếu thu tiền thuê bao tháng 8/2016, trong đó có 50 phiếu chưa thu tiền được, còn lại 111 phiếu, L thừa nhận đã thu tiền xong và chiếm đoạt là 9.785.032 đồng. Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Tân Châu còn làm việc với các khách hàng mà Nh và L đã cho đăng ký khuyến mãi theo đơn tố giác của Công ty, kết quả đã làm việc được với 183 khách hàng do L thu tiền. Trong đó, có 05 khách hàng có phiếu thu tiền thuê bao tháng 8/2016 đã nộp cho L trong tháng 9/2016 với số tiền là 459.871 đồng (L đã chiếm đoạt, không nộp về công ty) và 64 khách hàng có phiếu thu khuyến mãi, L đã chiếm đoạt số tiền khuyến mãi 21.736.000 đồng. Tổng cộng, L đã chiếm đoạt số tiền là 31.980.903 đồng.

Đối với Trần Hữu Nh, đã giao nộp lại 227 phiếu thu tiền thuê bao tháng 8/2016, trong đó có 50 phiếu chưa thu tiền được, còn lại 177 phiếu, Nh thừa nhận đã thu tiền xong và chiếm đoạt là 16.108.229 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Tân Châu, đã làm việc được với 284 khách hàng do Nh thu tiền. Trong đó, có 11 khách hàng có phiếu thu tiền thuê bao tháng 8/2016 đã nộp cho Nh trong tháng 9/2016 với số tiền là 1.257.520 đồng (Nh đã chiếm đoạt, không nộp về công ty) và 125 khách hàng có phiếu thu khuyến mãi, Nh đã chiếm đoạt số tiền khuyến mãi 39.336.000 đồng. Tổng cộng, Nh đã chiếm đoạt số tiền là 56.701.749 đồng. Sau khi bỏ trốn, gia đình của Nh đã tự nộp lại số tiền 5.368.000 đồng cho Công ty.

Ngày 03/7/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thị xã Tân Châu, đã khởi tố Trần Hữu Nh và Trần Thị Ngọc L về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Ngày 13/7/2018, Nh đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thị xã Tân Châu đầu thú. Đến ngày 16/7/2018, L tiếp tục đến Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thị xã Tân Châu đầu thú.

Bản cáo trạng số 05/CT- VKSTC ngày 24/12/2018 của Viện kiểm sát Nh dân thị xã Tân Châu truy tố Trần Hữu Nh về tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản ” theo điểm d khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2019/HS-ST ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Hữu Nh phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Hữu Nh 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên phạt danh và hình phạt đối với bị cáo Trần Thị Ngọc L, trách nhiệm dân sự, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định.

- Ngày 12/02/2019, bị cáo Trần Hữu Nh có đơn kháng cáo với nội dung: xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

- Ngày 15/02/2019, bị hại Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam kháng cáo: xin cho bị cáo Trần Hữu Nh được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Trong phần xét xử, bị cáo và cơ quan bị hại Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam có thay đổi yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên thực hiện quyền công tố nhà nước tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:

- Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Bị cáo Trần Hữu Nh kháng cáo trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc kháng cáo để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Đơn kháng cáo của Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam thể hiện ngày 15/02/2019, là kháng cáo quá thời hạn luật định. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của cơ quan bị hại nêu lý do kháng cáo trễ hạn là do đường xa và việc có ủy quyền cho cấp dưới nên nhận thông tin bị chậm trễ, dẫn đến làm đơn kháng cáo trễ hạn. Xét thấy lý do kháng cáo trễ hạn mà bị hại đưa ra là không thuộc trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng

xét xử ghi nhận lời trình bày của đại diện bị hại tại phiên tòa hôm nay để làm cơ sở xem xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

- Về nội dung: bị cáo đã có hành vi lợi dụng sự tin tưởng của Công ty truyền hình cáp Việt Nam giao nhiệm vụ đi thu tiền thuê bao của khách hàng, để cùng với vợ để chiếm đoạt số tiền khuyến mãi, tiền thuê bao hàng tháng của của Tổng công ty, nhằm mục đích trị bệnh cho con và tiêu xài cá nhân trong một thời gian dài. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 56.701.749 đồng. Cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã vay mượn, vận động gia đình khắc phục thêm số tiền 35.000.000 đồng theo các Phiếu thu ngày 14/02/2019, ngày 27/02/2019 và ngày 02/5/2019 cho Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam. Ngoài ra, tại phiên tòa hôm nay, đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, vợ bị cáo đang bị bệnh tật. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Luật sư Hồ Hoàng Phụng bào chữa cho bị cáo không tranh luận về tội danh, điểm, khoản, điều luật xét xử đối với bị cáo, chỉ nêu lên các tình tiết giảm nhẹ như: nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, động cơ bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do con bị bệnh, bị cáo đã khắc phục hơn $\frac{1}{2}$ số tiền bị cáo chiếm đoạt, gia đình bị cáo có công với cách mạng, bị cáo là lao động chính, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo để giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Hành vi của bị cáo được thực hiện trước ngày 01/01/2018, khi xét xử bị cáo thì Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã có hiệu lực, so với Điều 175 của Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì Điều 140 của Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định mức hình phạt nhẹ hơn nên căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định áp dụng Điều 140 Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để xử lý bị cáo là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

Đơn kháng cáo của bị cáo nằm trong hạn luật định, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc kháng cáo để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Đối với đơn kháng cáo của cơ quan bị hại Tổng công ty truyền hình cáp

Việt Nam nộp ngày 15/02/2019 là quá hạn luật định, lý do làm đơn kháng cáo quá hạn mà đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam đưa ra là không phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử quyết định không xem xét đơn kháng cáo và không giải quyết theo trình tự phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam. Tuy nhiên, những ý kiến của đại diện cơ quan bị hại tại phiên tòa hôm nay sẽ được Hội đồng xét xử ghi nhận, có xem xét cho bị cáo trong quá trình quyết định hình phạt.

[2] Về nội dung vụ án:

Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Hữu Nh tại phiên tòa phúc thẩm hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đầy đủ căn cứ xác định: trong quá trình là nhân viên hợp đồng của công ty, bị cáo lợi dụng vào sự tin tưởng của Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam giao nhiệm vụ đi thu tiền thuê bao hàng tháng của khách hàng để chiếm đoạt số tiền 56.701.749 đồng.

[3] Căn cứ vào quy định của pháp luật thì hành vi của bị cáo Nh đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh này theo khoản d khoản 2 Điều 140 Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Hữu Nh, Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, là nhân viên hợp đồng được Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam – Chi nhánh tỉnh An Giang giao nhiệm vụ thu tiền tiền thuê bao hàng tháng của khách hàng nhưng bị cáo đã lợi dụng cơ hội đó để chiếm đoạt tiền khuyến mãi, tiền thuê bao hàng tháng của Tổng công ty, nhằm mục đích điều trị bệnh cho con và tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản, ảnh hưởng đến uy tín của Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam, đến niềm tin của khách hàng đối với Tổng công ty. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội liên lĩnh, trong thời gian liên tục, cùng với vợ phạm tội, sau đó bỏ trốn nhằm trốn tránh trách nhiệm với phía bị hại. Do đó, cần có một mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Xét thấy, cấp sơ thẩm đã cân nhắc xem xét áp dụng các quy định pháp luật có lợi để cho vợ bị cáo – Trần Thị Ngọc L được hưởng án treo và xem xét đánh giá đúng các tình tiết của vụ án, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ. Đây là mức án đầu khung hình phạt không phải là mức án nặng như bị cáo đã trình bày. Lẽ ra cần giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tiếp tục vay mượn số tiền 35.000.000 đồng, trên ½ số tiền bị cáo chiếm đoạt để khắc phục một phần thiệt hại cho Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam – chi nhánh An Giang. Mặt khác, tại phiên tòa hôm nay bị hại Tổng công ty truyền

hình cấp Việt Nam xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, có vợ đang bị bệnh tật, gia đình bị cáo có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần được ghi nhận để xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa và ý kiến bào chữa của Luật sư.

[5] Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Hữu Nh, sửa bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt.

Áp dụng Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm d khoản 2 Điều 140; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Trần Hữu Nh 01 (một) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Trần Hữu Nh tiếp tục trả lại cho Tổng Công ty truyền hình cáp Việt Nam số tiền chiếm đoạt còn lại là 16.333.749 đồng (mười sáu triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, bảy trăm bốn mươi chín đồng).

Về án phí: Bị cáo Trần Hữu Nh không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2019/HS-ST ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1);
- VKSND tỉnh An Giang (2);
- TAND thị xã Tân Châu (2);
- Công an thị xã Tân Châu (1);
- Cục THADS tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS thị xã Tân Châu (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Phòng KTNV và THA (1);
- PV 27 (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Văn phòng (2);
- Lưu Tòa;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Ngọc Sơn

